

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-5-2022

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Nam Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Đăng Ninh.

2. Bà Trịnh Thị Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn 9, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Văn T, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn 5, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/3/2022 và bản tự khai ngày 18/3/2022, nguyên đơn Trần Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn T kết hôn với nhau vào ngày 29/6/2011 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, quan điểm sống của vợ chồng hoàn toàn trái ngược nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con: Vợ chồng không có con chung, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Vũ Văn T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ cho anh T (thông qua người thân anh T) nhưng anh T đều vắng mặt, không đến Tòa án để thực hiện việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa lần thứ nhất hai bên đương sự đều vắng mặt (chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt) nên Hội đồng xét xử (HĐXX) đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh T vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt chị T và anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Vũ Văn T. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Nguyên đơn Trần Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn bị đơn Vũ Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị T và anh T.

* Về nội dung giải quyết:

[1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Vũ Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T trình bày là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, quan điểm sống của vợ chồng hoàn toàn trái ngược nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2012 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa, chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bản thân anh T cũng không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của chị T, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về con: Chị T trình bày vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh T không có ý kiến gì, nên miễn xét.

[3] Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, còn anh T không có ý kiến gì, nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị T, cho chị T được ly hôn anh Vũ Văn T.

2. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số AA/2021/0014869 ngày 10/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn, chị T đã nộp đủ án phí DSST.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- UBND xã L, huyện
N, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Nam Tiến